

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **220/2023/DS-PT**

Ngày: 17/05/2023

V/v: Tranh chấp chia tài sản
chung để thi hành án; yêu cầu
công nhận hợp đồng chuyển
nhượng; yêu cầu hủy hợp
đồng chuyển nhượng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Vũ Viết Văn;
2. Ông Đinh Như Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Ngô Phương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23 ngày 13/01/2023 về việc: Tranh chấp chia tài sản chung để thi hành án; yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng; yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng.

Do Bản án sơ thẩm số 115/2022/DSST ngày 30/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 102/2023/QĐ-PT ngày 20/03/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn:

1.1. Ông **Phan Thế V**, sinh năm 1968;

1.2. Ông **Quách Mạnh P**, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: thôn V, xã M, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

2/ Bị đơn: Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam T, thành phố Hà Nội.

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

4/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

4.1. Bà **Hà Thị H**, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

4.2. Ông **Nguyễn Duy T**, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

4.3. Anh **Hoàng Trung H3**, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

4.4. Anh **Nguyễn Sĩ P2**, sinh năm 1989;

4.5. Chị **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Xóm 7x, thôn K, xã V, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

4.6. **Văn phòng công chứng Nguyễn L**; địa chỉ: Số 1x đường L, tổ 3x, thị trấn P, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Phan Thế V, Quách Mạnh P trình bày:

Hai ông là những người được thi hành án theo Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 38/2021/QĐST-DS ngày 07/6/2021; số 49/2021/QĐST-DS ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì. Người phải thi hành án là bà Bùi Thị L. Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì đã thụ lý yêu cầu thi hành án của hai ông.

Quá trình thi hành án, bà L trốn tránh nghĩa vụ, Chi cục thi hành án xác minh bà L cùng chồng là Nguyễn Duy Tân có khối tài sản là quyền sử dụng diện tích 170m² tại thửa đất 7x, tờ bản đồ 1x, thôn V, xã M, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là thửa đất 7x, tờ bản đồ 1x, xã M) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây viết tắt là GCNQSD) đất số BB 066823 vào sổ cấp GCN: CH 00026/QSDĐ-MQ do UBND huyện Ba Vì cấp ngày 10/8/2010 mang tên Ông Nguyễn Duy T. Phần đất đòi khai hoang của Ông T, bà L tại đồi Vọng Suối, thôn V, xã M và các phần đất khai hoang khác và các thửa đất nông nghiệp của bà L, Ông T.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với thửa đất 7x, tờ bản đồ 1x, xã M và yêu cầu xem xét phần đất đòi khai hoang của Ông T, bà L tại đồi Vọng Suối, thôn V, xã M. Xác định là tài sản chung của vợ chồng bà L, Ông T. Hai ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ba Vì phân chia tài sản giữa Ông T, bà L để có cơ sở thi hành án, đảm bảo quyền lợi cho hai ông.

Đối với các diện tích đất khai hoang khác hiện hai ông chưa xác định được cụ thể nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với các diện tích đất nông nghiệp của Ông T, bà L, do các thửa đất nông nghiệp đều vùng trũng ngập nước, giá trị nhỏ nên hai ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ngày 11/8/2022, ông Phan Thế V, ông Quách Mạnh P không N trí với yêu cầu của ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị H về việc xác định ông bà được quyền sử dụng thửa đất số 7x, tờ bản đồ 1x, xã M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Bùi Thị L trình bày:

Bà xác nhận bà có nghĩa vụ phải thi hành án. Bà nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì nhưng hiện nay bà phải đi chấp hành án hình phạt tù. Đến nay, bà không có tài sản riêng. Tài sản chung giữa bà và Ông T cũng không còn gì vì từ khi vướng vào vòng lao lý, mọi tài sản của bà với Ông T đã giải quyết để bồi thường trả nợ.

Về quyền sử dụng thửa đất 7x, tờ bản đồ 1x, xã M đã được cấp GCNQSD đất mang tên Ông Nguyễn Duy T. Tài sản này bà và Ông T đã bán cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị H từ năm 2011, khi mua bán có giấy viết tay giữa hai bên. Theo thỏa thuận thì vợ chồng ông H, Bà H tự đi làm thủ tục sang tên. Đến nay bà không nhớ giá trị chuyển nhượng nhưng vợ chồng bà đã nhận đủ tiền từ năm 2011 và đã giao đất cho ông H, Bà H. Năm 2021, vợ chồng ông H đến nhờ bà ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người mua lại đất của ông H. Bà không nắm được tên tuổi, địa chỉ. Bà và Ông T có đến văn phòng công chứng ký hợp đồng theo yêu cầu của ông H. Khi ký hợp đồng, vợ chồng bà không nhận tiền hay bất kỳ tài sản gì của bên mua. Việc ông H đề nghị hủy hợp đồng mua bán công chứng năm 2021 bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đối với thửa đất khai hoang đất đồi của gia đình bà hiện nay ông Nguyễn Văn N đang quản lý. Nguồn gốc đất có từ việc vợ chồng bà đổi đất nông nghiệp và đất gò đồi khác về gộp thành một mảnh. Do ông Nguyễn Văn N vay tiền hộ bà nên bà và Ông T có thỏa thuận giao cho ông N canh tác diện tích này để có thêm thu nhập trả tiền lãi.

Đối với diện tích đất tăng thêm phía sau thửa đất 7x, tờ bản đồ 1x, xã M là đất khai hoang của vợ chồng bà. Trước khi bán cho ông H, Bà H vợ chồng đã xây tường bao gộp đất khai hoang vào thửa đất 7x, tờ bản đồ 1x, xã M. Do vậy, khi viết giấy bán đất cho vợ chồng ông H, Bà H hai bên đã xác định chiều sâu của đất là 25m. Hiện nay, bà phải chấp hành án hình phạt tù không thể về Tòa án nhân dân huyện Ba Vì tham gia tố tụng được. Bà xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử vụ án vắng mặt bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Duy Tân trình bày:

Ông là chồng của bà Bùi Thị L. Trước đây bà L làm công tác hội phụ nữ có liên quan đến việc vay tiền Ngân hàng và các hộ dân tại địa phương và bà L đã phải chịu trách nhiệm hình sự. Toàn bộ tài sản chung của vợ chồng ông, nhà đất bà L đều đã bán đi lấy tiền trả nợ.

Thửa đất 2650m² ở trong làng có nguồn gốc cha ông của ông để lại. Khoảng năm 2008, vợ chồng ông bán cho ông Khiêm để lấy tiền trả nợ và làm nhà trên thửa đất 7y. Khoảng năm 2017 -2018, con ông bà là Nguyễn Duy Đạt mua lại thửa đất trên và làm nhà ở trên đất.

Đối với thửa đất số 7y, tờ bản đồ 1x là đất vợ chồng ông mua giãn dân, đã được cấp GCNQSD đất mang tên ông. Khoảng năm 2009, vợ chồng làm nhà ở 02 tầng trên đất. Ông không nhớ chính xác năm nào bà L đã mang giấy tờ nhà đất đi vay tiền ngân hàng và không có khả năng trả nợ. Anh Đ đã mang tiền đi trả nợ thay bà L lấy giấy tờ về. Do đó, thửa đất đã được sang tên Anh Đ năm 2018.

Ngoài ra, trước đây vợ chồng ông còn có thửa đất 7x, tờ bản đồ 1x, xã M liền kề thửa đất số 7y. Cách đây khoảng 12 năm, vợ chồng ông có bán thửa đất này cho vợ chồng ông H, Bà H ở Thôn L, xã M. Hai bên có viết giấy tờ mua bán có xác nhận của UBND xã M, hiện ông H, Bà H chưa làm thủ tục sang tên.

Giữa ông và bà L không còn tài sản chung là bất động sản, tài sản duy nhất còn lại là xe máy bà L đang sử dụng nhưng giá trị không lớn. Ông làm nông nghiệp tại địa phương nên có khai hoang đất đồi diện tích khoảng 10.000m², ông không xác định được số thửa, tờ bản đồ, hiện chưa được cấp chứng nhận QSD đất. Bà L không có đóng góp vào thửa đất này do nhiều năm bà L làm công tác hội phụ nữ, không tham gia lao động sản xuất. Đối với đất nông nghiệp Nhà nước giao theo định suất nhân khẩu, ông và bà L mỗi người đều được giao 1,2 sào bắc bộ, tương đương 408m². GCNQSD đất nông nghiệp mang tên ông - Nguyễn Duy Tân. Ông không liên quan đến việc vay tiền của bà L với các hộ dân, tài sản chung không còn gì nên ông từ chối tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2022 và đơn yêu cầu độc lập, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H, Hà Thị H2 cùng trình bày:

Vợ chồng ông có cùng quan điểm giải quyết vụ án. Năm 2011, vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng QSD thửa đất 7x, tờ bản đồ 1x, xã M của vợ chồng Ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị L với giá 520.000.000đ. Thửa đất có kích thước chiều ngang tám đường 10m, sâu 20m đã được cấp GCNQSD đất BB 066823 ngày 10/8/2010 diện tích 170m² mang tên Ông Nguyễn Duy T. Ông bà đã trả đủ

Ông T, bà L số tiền 520.000.000đ và nhận bản gốc GCNQSD đất BB 066823 từ Ông T, bà L và nhận bàn giao đất, có tường bao ranh giới.

Do không hiểu biết pháp luật nên khi giao dịch mua đất ông bà chỉ lập giấy viết tay chuyển nhượng đặt cọc mua đất do Ông T viết, cả hai ông bà ký nhận, có người làm chứng là ông Nguyễn Văn T2 là đồng ngũ với Ông T sống ngoài bãi sông xã M chứng kiến. Ông bà chưa có nhu cầu sử dụng thửa đất này mà muốn bán cho người khác nên không thực hiện đăng ký sang tên quyền sử dụng đất. Từ đó đến năm 2021, do không có khách mua lại nên ông bà để đấy không sử dụng. Tháng 11/2021, có khách hàng là ông H4, ông P, bà Mai hỏi mua nên ông bà có giao dịch để bán. Ông bà đề nghị Ông T, bà L hoàn thiện thủ tục mua bán cho ông bà bằng cách ký hợp đồng chuyển nhượng sang tên thẳng từ vợ chồng Ông T, bà L cho khách của ông bà; Ông T, bà L đồng ý.

Ngày 27/11/2021, ông bà mời văn phòng công chứng Nguyễn L đến công chứng hợp đồng chuyển nhượng QSD thửa đất 7x, tờ bản đồ 1x, xã M giữa Ông T, bà L với bên mua là ông H4, ông P, bà Mai. Tuy nhiên, quá trình sang tên không thực hiện được nên vợ chồng ông bà đã thỏa thuận với ông H4, ông P, bà Mai chấm dứt hợp đồng. Ông bà đã hoàn trả toàn bộ giá trị hợp đồng chuyển nhượng cho ông H4, ông P, bà Mai đến nay giữa hai bên không có tranh chấp gì. Tuy nhiên, hợp đồng chuyển nhượng đất ký giữa bên chuyển nhượng Ông T, bà L với ông H4, ông P, bà Mai do Văn phòng công chứng Nguyễn L chứng thực chưa được hủy bỏ.

Do vậy, ông bà đề nghị Tòa án hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 27/11/2021 giữa bên chuyển nhượng Ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị L và bên nhận chuyển nhượng ông Hoàng Trung H2, ông Nguyễn Sĩ P, bà Nguyễn Thị Ngọc M đối với thửa đất số 7x, tờ bản đồ 1x, xã M. Đề nghị Tòa án công nhận cho ông bà được quyền sử dụng thửa 7x, tờ bản đồ 1x, xã M do ông bà đã thực hiện xong việc trả tiền, giao nhận đất, giấy tờ đất và quản lý thửa đất từ năm 2011 đến nay.

Tại bản tự khai ngày 09/9/2022 những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Anh Hoàng Trung H3, Anh Nguyễn Sĩ P2, Chị Nguyễn Thị Ngọc M cùng trình bày:

Do nhu cầu mua đất để sử dụng, Anh P2, Chị M, Anh H3 tìm hiểu và biết vợ chồng ông H, Bà H đang muốn bán thửa đất số 7x, tờ bản đồ 1x, xã M, huyện Ba Vì mà ông bà mua của vợ chồng Ông T, bà L nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Anh P2, Chị M, Anh H3 đã thỏa thuận với vợ chồng ông H, Bà H giá chuyển nhượng thửa đất là 1.190.000.000đ. Ông H, Bà H cam đoan khi làm hợp đồng chuyển nhượng đất Ông T, bà L sẽ ký hợp đồng trực tiếp sang tên cho các anh chị.

Việc ông H, Bà H giao dịch với Ông T, bà L như thế nào thì các anh chị không biết.

Ngày 27/11/2021, tại Văn phòng công chứng Nguyễn L, các anh chị đã ký hợp đồng nhận chuyển nhượng QSD đất thửa đất số 7x, tờ bản đồ 1x, xã M từ người chuyển nhượng Ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị L. Các anh chị trả tiền cho vợ chồng ông H, Bà H và nhận GCNQSD thửa đất mang tên Ông Nguyễn Duy T từ ông H, Bà H giao. Khi các anh chị thực hiện việc đăng ký QSD đất thì cơ quan Nhà nước trả lời thửa đất trên đã bị phong tỏa để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 25/4/2022, các anh chị và vợ chồng ông H, Bà H đã thống nhất hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất số công chứng 6901 ngày 27/11/2021. Ông H, Bà H đã hoàn trả cho các anh chị toàn bộ giá trị hợp đồng và các anh chị đã trả lại GCNQSD đất mang tên Ông Nguyễn Duy T. Khi thỏa thuận hủy hợp đồng đều không ai báo cho Văn phòng công chứng Nguyễn L được biết. Quá trình giao dịch nhận chuyển nhượng QSD thửa đất số 7x, tờ bản đồ 1x, xã M các anh chị chỉ giao dịch với vợ chồng ông H, Bà H chứ không gặp gỡ giao dịch gì với Ông T, bà L.

Nay ông H, Bà H yêu cầu hủy hợp đồng công chứng chuyển nhượng QSD đất số 6901 ngày 27/11/2021 các anh chị hoàn toàn nhất trí. Hậu quả việc hủy hợp đồng các anh chị đã giải quyết xong, không đề nghị Tòa án xem xét nội dung gì và không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan. Các anh chị cùng xin vắng mặt trong các hoạt động tố tụng xét xử vụ án. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt các anh chị.

Tại văn bản số 837 ngày 21/6/2022, người (cơ quan) có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan công chứng viên Nguyễn Hồng Luyện - Văn phòng công chứng Nguyễn L trình bày:

Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất số công chứng 6901 ngày 27/11/2021 của Văn phòng công chứng Nguyễn L đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về công chứng, các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, trong trạng thái hoàn toàn minh mẫn, không bị ép buộc và đã được công chứng viên giải thích rõ nội dung hợp đồng, đã hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ của mình khi giao kết hợp đồng, đã ký tên, điểm chỉ vào hợp đồng dưới sự chứng kiến của Công chứng viên. Tại thời điểm ký hợp đồng các bên xuất trình bản gốc các giấy tờ cần thiết có đóng dấu hợp pháp của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tài sản chuyển nhượng không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do đó, việc chuyển nhượng này là hoàn toàn hợp pháp. Nội dung hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Các bên cam đoan tài sản giao dịch là có thật, không tranh chấp, các bên không yêu cầu công chứng viên xác minh về tài sản cũng như các giấy tờ về tài sản. Như vậy, việc ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị H

yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng số 6901 đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì giải quyết theo pháp luật. Do công việc bận nên Văn phòng công chứng Nguyễn L, công chứng viên xin được vắng mặt trong các hoạt động tố tụng tiếp theo của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì.

Tại biên bản làm việc ngày 05/8/2022, UBND xã M cung cấp ý kiến:

Thửa đất số 7x, tờ bản đồ 1x, xã M có nguồn gốc do Ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị L được giao sử dụng theo diện đất giãn dân. Ngày 10/8/2010, UBND huyện Ba Vì cấp GCNQSD đất số BB 066823 vào sổ cấp GCN: CH 00026/QSDĐ-MQ cho Ông Nguyễn Duy T. Việc vợ chồng Ông T, bà L chuyển nhượng QSD đất này thì UBND xã M không có thông tin lưu trữ, các bên cũng không khai báo trước chính quyền.

Kết quả đo đạc thửa đất hiện nay đối với thửa đất số 7x, tờ bản đồ 1x, xã M do Công ty TNHH khảo sát và đo đạc bản đồ Hà Nội thực hiện là thực tế, phần đất phía sau thửa đất tăng thêm 31,2m² là đất có nguồn gốc khai hoang của vợ chồng Ông T, bà L. Hiện trạng hiện nay liên thửa với thửa đất số 7x, tờ bản đồ 1x, xã M.

Đối với phần đất đòi của Ông T, bà L tại đồi Vọng Suối, thôn V, xã M, kết quả đo đạc xác định diện tích 956m² là thực tế. Quan điểm của UBND xã trong vụ án này đối với đất chưa được cấp GCNQSD đất sẽ tạm giao cho người sử dụng đất quản lý sử dụng. Khi có quyết định chính thức của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì người sử dụng đất phải thực hiện theo quyết định của cơ quan nhà Nước có thẩm quyền.

Tại Bản án sơ thẩm số 115/2022/DSST ngày 30/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn ông Phan Thế V, ông Quách Mạnh P về việc phân chia tài sản chung để thi hành án đối với bà Bùi Thị L.

2/ Xác định thửa đất số 7x, tờ bản đồ 1x, diện tích 170m², tọa lạc tại: Thôn V, xã M, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội theo giấy GCNQSD đất số BB 066823 vào sổ cấp GCN: CH 00026/QSDĐ-MQ do UBND huyện Ba Vì cấp ngày 10/8/2010 mang tên Ông Nguyễn Duy T là tài sản chung của vợ chồng bà Bùi Thị L và Ông Nguyễn Duy T.

Giao bà Bùi Thị L được quyền sử dụng diện tích đất: 81,9m² tại thửa số 7x, tờ bản đồ 1x thôn V, xã M, huyện Ba Vì và diện tích: 16,6m² đất khai hoang liền kề phía sau diện tích đất được giao tại thửa 7x. Có giá trị: 472.800.000đ (bốn trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm nghìn đồng), được giới hạn từ các điểm: 1, 10, 11, 12, 5, 4, 3, 2,1 (có bản vẽ sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Giao Ông Nguyễn Duy T được quyền sử dụng diện tích đất: 81,9m² tại thửa số 7x, tờ bản đồ 1x thôn V, xã M, huyện Ba Vì và diện tích: 14,6m² đất khai hoang

liền kề phía sau diện tích đất được giao tại thửa 7x. Có giá trị: 463.200.000đ (bốn trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng), được giới hạn bởi các điểm 9, 10, 11, 12, 5, 6, 7, 8, 9 (có bản vẽ sơ đồ hiện trạng kèm theo).

3/ Xác định phần đất đòi khai hoang, có diện tích: 956,6m² tại đồi Vọng Suối, thôn V, xã M, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, là tài sản chung của vợ chồng bà Bùi Thị L và Ông Nguyễn Duy T.

Tạm giao cho bà Bùi Thị L sử dụng diện tích đất đòi: 478,3m² tại đồi Vọng Suối, thôn V, xã M, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, chờ đến khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định xử lý. Có giá trị: 20.088.600đ (hai mươi triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm đồng), được giới hạn từ các điểm: 6, 5, 2, 1 (có bản vẽ sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Tạm giao cho Ông Nguyễn Duy T sử dụng diện tích đất đòi: 478,3m² tại đồi Vọng Suối, thôn V, xã M, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, chờ đến khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định xử lý. Có giá trị: 20.088.600đ (hai mươi triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm đồng), được giới hạn bởi các điểm 4,5,1,3 (có bản vẽ sơ đồ hiện trạng kèm theo).

4/. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn H về việc đề nghị công nhận quyền sử dụng thửa 7x, tờ bản đồ 1x, diện tích 170m² tại xã M, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

5/. Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Văn H ngày 23/8/2011 thể hiện bằng “Giấy biên nhận tiền đặt cọc tiền chuyển nhượng đất” vô hiệu toàn bộ.

Về lỗi và hậu quả của giao dịch vô hiệu:

Xác định ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị H có lỗi 100% trong việc không thực hiện quy định của pháp luật về hình thức và trình tự thủ tục chuyển nhượng.

Buộc vợ chồng Ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị L phải trả cho ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị H số tiền 520.000.000đ (năm trăm hai mươi triệu đồng).

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị H phải trả cho Ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị L GCNQSD đất (bản gốc) số BB 066823 vào sổ cấp GCN: CH 00026/QSDD-MQ do UBND huyện Ba Vì cấp ngày 10/8/2010 mang tên Ông Nguyễn Duy T.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 27/11/2021 giữa bên

chuyển nhượng Ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị L và bên nhận chuyển nhượng ông Hoàng Trung H2, ông Nguyễn Sĩ P, bà Nguyễn Thị Ngọc M.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 6901/21 tại Văn phòng công chứng Nguyễn L ký ngày 27/11/2021 giữa bên chuyển nhượng Ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị L và bên nhận chuyển nhượng ông Hoàng Trung H2, ông Nguyễn Sĩ P, bà Nguyễn Thị Ngọc M đối với thửa đất số 7x, tờ bản đồ 1x thôn V, xã M, huyện Ba Vì, Hà Nội. Chấm dứt hiệu lực kể từ ngày xét xử (30/9/2022).

Về hậu quả chấm dứt hợp đồng: Các bên đương sự đã giải quyết xong hậu quả, không yêu cầu xem xét giải quyết.

7/ Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị L phải hoàn trả ông Phan Thế V, Quách Mạnh P số tiền chi phí tố tụng 4.800.000đ (bốn triệu, tám trăm nghìn đồng).

8/ Về án phí:

Trả lại ông Phan Thế V, Quách Mạnh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng) ông Phan Thế V đã nộp theo biên lai số 0060081 ngày 21/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 41.440.000đ (bốn mươi một triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) được khấu trừ 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0060281 ngày 16/6/2022 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì, Hà Nội. Số tiền ông H còn phải nộp là 28.440.000đ (hai mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ông Nguyễn Duy T phải chịu số tiền 24.164.000đ (hai mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị L phải chịu số tiền 24.644.000đ (hai mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo.

Sau phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn - ông Phan Thế V, ông Quách Mạnh P đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn H đề nghị Hội đồng xét xử công nhận giao dịch giữa vợ chồng ông và vợ chồng bà Bùi Thị L và Ông Nguyễn Duy T vì thực tế vợ chồng ông mua từ năm 2011, đã trả đủ tiền và đã nhận đất nhưng do ông nghĩ đơn giản nên không đi hoàn thiện thủ tục sang tên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát

biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn H và Bà Hà Thị H; xác định giao dịch chuyển nhượng giữa Ông T, bà L với ông H và Bà H có hiệu lực một phần đối với diện tích đã nhận chuyển nhượng của Ông T. Về giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu: xác định lỗi của bên bán là 30%, lỗi của bên mua là 70%. Buộc ông H và Bà H phải trả lại cho bà L $\frac{1}{2}$ diện tích đất tại thửa 7x. Buộc bà L phải trả cho ông H, Bà H số tiền 260.000.000đ + 44.400.000đ = 304.400.000đ.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Về thủ tục kháng cáo:

Ngày 30/09/2022, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử vụ án theo trình tự sơ thẩm; tại phiên tòa có mặt ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị H. Ngày 11/10/2022, Tòa án sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo đề ngày 11/10/2022 của ông H, ông H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định. Do đó, kháng cáo đảm bảo về chủ thể, hình thức, nội dung và trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; về phạm vi kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật:

Trong vụ án này, ngoài yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông Nguyễn Văn H có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp chia tài sản chung để thi hành án; yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng; yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H:

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị H có yêu cầu độc lập: Đề nghị Tòa án công nhận ông H, Bà H được

quyền sử dụng thửa 7x, tờ bản đồ 1x, thôn V, xã M do ông H, Bà H đã mua của bà L, Ông T theo “Giấy biên nhận tiền đặt cọc tiền chuyển nhượng đất” vì bên mua đã trả tiền, nhận đất, nhận giấy tờ đất và quản lý thửa đất từ năm 2011 đến nay; yêu cầu hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 27/11/2021 giữa bên chuyển nhượng Ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị L và bên nhận chuyển nhượng ông Hoàng Trung H2, ông Nguyễn Sĩ P, bà Nguyễn Thị Ngọc M đối với thửa đất số 7x, tờ bản đồ 1x, thôn V, xã M.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L, Ông T và ông H, Bà H đều xác nhận các nội dung sau: Năm 2011 hai bên đã giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 7x, tờ bản đồ 1x xã M với hiện trạng thửa đất chiều rộng tám đường 10m, sâu 25m phù hợp với hiện trạng thửa đất hiện nay. Hai bên có lập “Giấy biên nhận tiền đặt cọc tiền chuyển nhượng đất” bị sửa ngày nhưng thực hiện năm 2011. Giữa hai bên đã thực hiện xong việc mua bán là bên mua đã thanh toán xong cho bên bán toàn bộ giá trị chuyển nhượng hai bên thỏa thuận là 520.000.000đ; bên bán đã giao đất và giấy tờ đất cho bên mua. Hai bên chưa thực hiện ký kết hợp đồng chuyển nhượng có công chứng và chưa đăng ký sang tên tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo yêu cầu của ông H, Bà H và ông Hoàng Trung H2, ông Nguyễn Sĩ P, bà Nguyễn Thị Ngọc M nên bà L, Ông T đã ký bên bán tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 27/11/2021 giữa bên chuyển nhượng là bà Bùi Thị L, Ông Nguyễn Duy T và bên nhận chuyển nhượng ông Hoàng Trung H2, ông Nguyễn Sĩ P, bà Nguyễn Thị Ngọc M. Thực tế hợp đồng này được ký kết trên giao dịch giữa ông H, Bà H và Anh P2, Chị M, Anh H3. Do hợp đồng không thể thực hiện do đối tượng hợp đồng đã bị phong tỏa để thi hành án; Anh P2, Chị M, Anh H3 đã thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng và đã giải quyết toàn bộ hậu quả của việc hủy hợp đồng đến nay không có tranh chấp.

Hội đồng xét xử nhận thấy, “Giấy biên nhận tiền đặt cọc tiền chuyển nhượng đất” năm 2011 vi phạm quy định hình thức hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất quy định tại Điều 401, Điều 689, Điều 692, Điều 697, Điều 698, Điều 701 Bộ luật dân sự năm 2005.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015: “*Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của bộ luật này*”. Tại khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì Tòa án công nhận hiệu lực của giao dịch đó*”.

Cho đến nay, bà L, Ông T vẫn muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông H, Bà H; Ông T không có yêu cầu hủy giao dịch vợ chồng Ông T đã ký với ông H, Bà H. Bà L đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần xác định một 1/2 giao dịch liên quan đến quyền tài sản của Ông T có hiệu lực pháp luật; 1/2 giao dịch liên quan đến quyền tài sản của bà L vô hiệu do bà L có nghĩa vụ thi hành án.

Về giải quyết hậu quả của việc giao dịch vô hiệu 1/2: Việc không làm thủ tục mua bán bằng hợp đồng công chứng và không sang tên là lỗi của cả hai bên, Tòa sơ thẩm xác định ông H, Bà H chịu 100% lỗi là không đúng vì bản chất của giao dịch dân sự gắn liền với quyền và nghĩa vụ của cả hai bên. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông H xác nhận do ông không hiểu biết pháp luật nên khi giao dịch mua đất ông bà chỉ lập giấy viết tay chuyển nhượng đặt cọc mua và muốn bán cho người khác nên không thực hiện đăng ký sang tên quyền sử dụng đất. Năm 2021, ông H tìm được khách mua và nhờ bà L, Ông T ký hợp đồng chuyển nhượng với khách mua sau chứng tỏ bà L, Ông T luôn thiện chí và hợp tác trong việc sang tên. Do vậy, xác định lỗi của ông H, Bà H nhiều hơn là 70% và bà L là 30%. Xác định hậu quả của việc giao dịch vô hiệu $\frac{1}{2}$ là: $(4.800.000đ \times 85m^2) - 260.000.000đ = 148.000.000đ$; trong đó: bà L chịu lỗi 30% là 44.400.000đ. Cần buộc bà L phải trả lại cho ông H, Bà H số tiền $260.000.000đ + 44.400.000đ = 304.400.000đ$.

Do vậy, cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Phan Thế V, ông Quách Mạnh P không phải chịu án phí.

Bị đơn - bà Bùi Thị L phải chịu án phí đối với số tiền 304.400.000đ phải thanh toán cho ông H, Bà H; án phí là: $304.400.000đ \times 5\% = 15.220.000đ$.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu độc lập không được chấp nhận với số tiền án phí là 13.000.000đ.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo - ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 401, Điều 689, Điều 692, Điều 697, Điều 698, Điều 701 Bộ luật dân sự năm 2005

- Khoản 2 Điều 129; Điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 271; Điều 272, Điều 273; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử:

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H; sửa một phần Bản án sơ thẩm số 115/2022/DSST ngày 30/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thế V, ông Quách Mạnh P về việc phân chia tài sản chung để thi hành án đối với bà Bùi Thị L.

[1.1] Xác định phần đất đòi khai hoang, có diện tích: 956,6m² tại đồi Vọng Suối, thôn V, xã M, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, là tài sản chung của vợ chồng bà Bùi Thị L và Ông Nguyễn Duy T.

Tạm giao cho bà Bùi Thị L sử dụng diện tích đất đòi: 478,3m² tại đồi Vọng Suối, thôn V, xã M, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, chờ đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định xử lý; có giá trị: 20.088.600đ (hai mươi triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm đồng), được giới hạn từ các điểm: 6, 5, 2, 1 (có bản vẽ sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Tạm giao cho Ông Nguyễn Duy T sử dụng diện tích đất đòi: 478,3m² tại đồi Vọng Suối, thôn V, xã M, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, chờ đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định xử; có giá trị: 20.088.600đ (hai mươi triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm đồng), được giới hạn bởi các điểm 4,5,1,3 (có bản vẽ sơ đồ hiện trạng kèm theo).

[1.2] Xác định thửa đất số 7x, tờ bản đồ 1x, diện tích 170m², tọa lạc tại: Thôn V, xã M, huyện Ba Vì, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 066823 vào sổ cấp GCN: CH 00026/QSĐĐ-MQ do UBND huyện Ba Vì cấp ngày 10/8/2010 mang tên Ông Nguyễn Duy T là tài sản chung của vợ chồng bà Bùi Thị L và Ông Nguyễn Duy T.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn H về việc đề nghị công nhận quyền sử dụng thửa 7x, tờ bản đồ 1x, diện tích 170m² tại xã M, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị L Ông Nguyễn Duy T với ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị H theo “Giấy biên nhận tiền đặt cọc tiền chuyển nhượng đất” năm 2011 vô hiệu đối với ½ diện tích đất là tài sản của bà Bùi Thị L.

Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa giữa bà Bùi Thị L Ông Nguyễn Duy T với ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị H theo “Giấy biên nhận tiền đặt cọc tiền chuyển nhượng đất” năm 2011 có hiệu lực pháp luật đối với ½ diện tích đất là tài sản của Ông Nguyễn Duy T.

[2.1] Giao cho bà Bùi Thị L được quyền sử dụng diện tích đất: 81,9m² tại thửa số 7x, tờ bản đồ 1x thôn V, xã M, huyện Ba Vì và diện tích: 16,6m² đất khai hoang liền kề phía sau diện tích đất được giao tại thửa 7x; có giá trị 472.800.000đ (bốn trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm nghìn đồng), được giới hạn từ các điểm: 1, 10, 11, 12, 5, 4, 3, 2,1 (có bản vẽ sơ đồ hiện trạng kèm theo).

[2.2] Giao cho ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị H được quyền sử dụng diện tích đất: 81,9m² tại thửa số 7x, tờ bản đồ 1x thôn V, xã M, huyện Ba Vì và diện tích: 14,6m² đất khai hoang liền kề phía sau diện tích đất được giao tại thửa 7x; có giá trị: 463.200.000đ (bốn trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng), được giới hạn bởi các điểm 9, 10, 11, 12, 5, 6, 7, 8, 9 (có bản vẽ sơ đồ hiện trạng kèm theo).

[2.3] Về lỗi và hậu quả của giao dịch vô hiệu:

Xác định ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị H có 70% lỗi trong việc không thực hiện quy định của pháp luật về hình thức và trình tự thủ tục chuyển nhượng.

Xác định bà Bùi Thị L 30% lỗi trong việc không thực hiện quy định của pháp luật về hình thức và trình tự thủ tục chuyển nhượng.

Buộc bà Bùi Thị L phải trả lại cho ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị H số tiền 304.400.000đ (ba trăm linh tư triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2.4] Bà Bùi Thị L, ông Nguyễn Văn H, Bà Hà Thị H có quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích đất được giao theo bản án có hiệu lực.

[3] Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 27/11/2021 giữa bên

chuyển nhượng Ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị L và bên nhận chuyển nhượng ông Hoàng Trung H2, ông Nguyễn Sĩ P, bà Nguyễn Thị Ngọc M.

[3.1] Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 6901/21 tại Văn phòng công chứng Nguyễn L ký ngày 27/11/2021 giữa bên chuyển nhượng Ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị L và bên nhận chuyển nhượng ông Hoàng Trung H2, ông Nguyễn Sĩ P, bà Nguyễn Thị Ngọc M đối với thửa đất số 7x, tờ bản đồ 1x thôn V, xã M, huyện Ba Vì, Hà Nội. Chấm dứt hiệu lực kể từ ngày xét xử (30/9/2022).

[3.2] Về hậu quả chấm dứt hợp đồng: Các bên đương sự đã giải quyết xong hậu quả, không yêu cầu xem xét giải quyết.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Duy T, bà Bùi Thị L phải hoàn trả ông Phan Thế V, Quách Mạnh P số tiền chi phí tố tụng 4.800.000đ (bốn triệu, tám trăm nghìn đồng).

[5] Về án phí:

Ông Phan Thế V, ông Quách Mạnh P không phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm; ông Phan Thế V, ông Quách Mạnh P được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí ông Phan Thế V đã nộp là 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng) theo biên lai số 0060081 ngày 21/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì.

Bà Bùi Thị L phải chịu số tiền 15.220.000đ (mười lăm triệu, hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) án phí sơ thẩm; không phải chịu án phí phúc thẩm. Được đối trừ 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0060281 ngày 16/6/2022 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì, Hà Nội. Ông Nguyễn Văn H được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2020/0060490 ngày 11/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKS NDTP Hà Nội;
- TAND huyện Ba Vì;
- Chi cục THADS huyện Ba Vì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hồng

